

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11** /2021/DS-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2021
“*V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ma Đức Hải

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lâm Thao

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa:
Bà: Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2021/TLST-DS ngày 19/4/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐST-DS ngày 19/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13a/2021/QĐST-DS ngày 06/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tiến N** – sinh năm 1991

Nơi cư trú: Khu 9, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh **Đặng Anh T** – sinh năm 1978

Hộ khẩu thường trú: Khu 7, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến N trình bày:

Anh có làm kinh doanh vật liệu xây dựng, sắt thép, mái tôn. Anh Đặng Anh T có đến mua hàng vật liệu xây dựng sắt thép, mái tôn của anh. Quá trình mua bán hai bên không có lập hợp đồng mua bán mà thỏa thuận bằng miệng qua hình thức gọi điện đặt hàng. Khi anh T gọi điện đặt hàng, anh đều xuất hàng kèm theo hóa đơn giấy, anh T nhận hàng, kiểm hàng sau đó khi nào kết thúc công trình thì sẽ thanh toán tiền một phần tiền và lấy gói hàng cho công trình tiếp theo. Sau đó, kết thúc một vài công trình nhưng anh T không trả nợ cho anh. Vì vậy, ngày 04/02/2019 anh Đặng Anh T có đến cửa hàng của anh hai bên chốt công nợ với nhau và anh T viết giấy xác nhận nợ, nội dung xác nhận còn nợ của anh số tiền hàng là 92.500.000 đồng và hẹn 01 tháng sau là ngày 04/3/2019 sẽ thanh toán đầy đủ cho anh số tiền trên. Tuy nhiên sau đó anh T không trả nợ như đã hẹn, anh đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả và anh được biết anh T đã không có mặt ở địa phương, cùng vợ con chuyển đi sinh sống ở nơi khác. Nay, anh khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho anh số tiền 92.500.000 đồng (Chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và anh không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Tiến N có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Bị đơn anh Đặng Anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến N, buộc anh Đặng Anh T phải trả cho anh N số tiền 92.500.000đ (Chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng); anh Đặng Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn là anh Đặng Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu 7, xã P, huyện L, tỉnh Phú Thọ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng: căn cứ vào giấy xác nhận nợ do nguyên đơn giao nộp đề ngày 04/02/2019 nên Hội đồng xét xử xác định thời hiệu

khởi kiện vẫn còn vì vậy nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến N có quyền khởi kiện đòi số tiền hàng còn nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình bị đơn thì được cung cấp: “anh Đặng Anh T có đăng ký thường trú tại khu 7, xã K (nay là xã P), huyện L tuy nhiên anh T không có mặt ở địa phương, anh T đi đâu làm gì không thông báo với địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được”. Xét thấy việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án không đảm bảo anh T sẽ nhận được vì vậy Tòa án tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc vì vậy Thẩm phán chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được. Anh T được triệu tập họp lệ lần thứ 2 mà vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Đặng Anh T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nội dung giấy xác nhận nợ thể hiện nội dung anh Đặng Anh T còn nợ tiền hàng của anh Nguyễn Tiến N số tiền 92.500.000 đồng và hẹn đến ngày 04/3/2019 sẽ trả đầy đủ số tiền trên. Vì vụ án được giải quyết vắng mặt bị đơn nên để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành giám định các chữ viết và chữ ký của anh Đặng Anh T trong giấy xác nhận nợ với chữ viết và chữ ký của anh Đặng Anh T trong “Tờ khai chứng minh nhân dân” và “Bản kiểm điểm đảng viên của anh T năm 2018”. Tại Kết luận giám định số 818/KLGD-PC09 ngày 05/7/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Phú Thọ thể hiện:

1. “Chữ ký đứng tên Đặng Anh T dưới mục “Người viết” trên “Giấy xác nhận nợ” (Mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Đặng Anh T dưới mục “Người tự kiểm điểm; người khai ký tên” trên “Bản kiểm điểm cá nhân năm 2018; Tờ khai chứng minh nhân dân (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký ra.”

2. Chữ viết trên “Giấy xác nhận nợ” (Mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ viết trên “Bản kiểm điểm cá nhân năm 2018” (trừ chữ viết tại mục : Đánh giá, xếp loại chất lượng Đảng viên, Đảng ủy xếp loại mức chất lượng) và chữ viết điền vào các mục 5, 7, 8, 10, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18, 20 trên “Tờ khai chứng minh nhân dân” (trừ các chữ Lê Hằng) (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng 1 người viết ra.

Căn cứ vào kết luận giám định thể hiện chữ viết và chữ ký trong giấy xác nhận nợ nói trên là do anh Đặng Anh T ký và viết ra. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định anh Đặng Anh T còn nợ của anh Nguyễn Tiến N tổng số tiền 92.500.000 đồng. Yêu cầu

khởi kiện của anh Nguyễn Tiến N là có căn cứ vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến N, buộc anh Đặng Anh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh N theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không đề nghị tính lãi đối với số tiền còn nợ nên không đặt ra xem xét.

Về chi phí giám định: số tiền 3.000.000 đồng chi phí giám định anh N tự nguyện chịu vì vậy cần xác nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Đặng Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 430, khoản 2 Điều 440, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Buộc anh Đặng Anh T phải trả anh Nguyễn Tiến N số tiền 92.500.000 đồng (Chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Án phí và chi phí giám định:

Anh Đặng Anh T phải chịu 4.625.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Tiến N số tiền tạm ứng án phí 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001952 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao (Do anh Nguyễn Văn T nộp thay).

Về chi phí giám định: anh Nguyễn Tiến N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), xác nhận anh N đã nộp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Đinh Thị Phương Thúy